

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8056 /QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày 19 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giao kinh phí miễn giảm học phí cho trẻ em Mầm non 5 tuổi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và kinh phí hỗ trợ khi thực hiện Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố đối với các trường học công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND thành phố Hà Nội quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung kinh phí để thực hiện một số chế độ chính sách ban hành và thực hiện trong năm 2024 từ nguồn tăng thu ngân sách cấp thành phố năm 2023 và số thường vượt thu dự toán các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố (Đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Thanh Oai về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của huyện Thanh Oai;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 46/TTr-TCKH ngày 11/11/2024 Về việc đề nghị điều chỉnh dự toán năm 2024 do miễn học phí đối với học sinh 5 tuổi từ năm học 2024-2025 và chênh lệch mức thu học phí học năm học 2023-2024; kỳ I năm học 2024-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 cho:

le

Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS học công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên.

Số tiền: **7.718.000.000 đồng**

*Bằng chữ: Bảy tỷ, bảy trăm mười tám triệu đồng chẵn
(Số liệu chi tiết theo các biểu đính kèm)*

Nội dung: Kinh phí miễn giảm học phí cho trẻ em Mầm non 5 tuổi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và kinh phí hỗ trợ khi thực hiện Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố đối với các trường học công lập thuộc huyện quản lý và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ khi thực hiện Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của HĐND Thành phố: 6.789.000.000 đồng.

- Kinh phí miễn giảm học phí cho trẻ em Mầm non 5 tuổi theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: 929.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí:

- Từ nguồn Thành phố bổ sung có mục tiêu tại Quyết định số 5545/QĐ-UBND ngày 23/10/2024: 5.003.000.000 đồng.

- Từ nguồn CCTL ngân sách cấp huyện cấp bổ sung: 2.715.000.000 đồng.

Điều 2. Trách nhiệm của các bên liên quan:

Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện: Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn công tác thanh quyết toán.

Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập thuộc huyện quản lý, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện có tên tại Điều 1: Thực hiện tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí được Ngân sách bổ sung thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng; sử dụng kinh phí ngân sách trong phạm vi dự toán được giao, đúng nội dung, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, tránh trùng lặp. Thực hiện thanh, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản có liên quan. Kết thúc năm ngân sách, đơn vị có trách nhiệm quyết toán và tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán của đơn vị mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện, Hiệu trưởng Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập thuộc huyện quản lý, Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Thanh Oai có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TCKH (Ngân, 75).



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI**

**KINH PHÍ MIỄN GIÁM HỌC PHÍ CHO TRẺ EM MẦM NON 5 TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2024/NQ-HĐND NGÀY 29/3/2024 CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số **8056** /QĐ-UBND ngày **19** tháng **11** năm **2024** của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Số học sinh học kỳ I năm học 2023-2024			Số học sinh học kỳ II năm học 2023-2024			Số học sinh học kỳ I năm học 2024-2025			Kinh phí điều chỉnh dự toán năm 2024 do chênh lệch mức thu học phí					Tổng cộng	
		Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	KP thực hiện miễn phí đối với học sinh 5 tuổi từ năm học 2024-2025 theo Nghị định 81	KP thực hiện 02/2024/NQ-HĐND		Dành nguồn thực hiện CCTL từ 40% học phí			
												12	13				
A	B	1	2	3	1	2	3	1	2	3	8	9	10	11	12	13	12=8+9+10+11
	Mầm non	12.028	7.145	3.101	11.624	8.147	3.437	11.624	8.093	3.491	484	756	603	929	1.105	738	2.772
	Trung học cơ sở	13.400			14.922			14.922			1.154	1.602	1.277		2.421	1.612	4.033
	Trung tâm GDNN-GDTX	680			717			717			285	402	226		548	365	913
	Cộng	26.108	7.145	3.101	27.263	8.147	3.437	27.263	8.093	3.491	1.923	2.760	2.106	929	4.074	2.715	7.718



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI**
**KINH PHÍ MIỄN GIÁM HỌC PHÍ CHO TRẺ EM MẦM NON 5 TUỔI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2024/NQ-HĐND NGÀY 29/3/2024 CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số 8056 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Mầm non	Số học sinh học kỳ I năm học 2023-2024			Số học sinh học kỳ II năm học 2023-2024			Số học sinh học kỳ I năm học 2024-2025			Kinh phí điều chỉnh dự toán năm 2024 do chênh lệch mức thu học phí					Tổng cộng	
		Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Học kỳ I năm học 2023-2024	Học kỳ II năm học 2023-2024	Học kỳ I năm học 2024-2025	KP thực hiện miễn phí đối với học sinh 5 tuổi từ năm học 2024-2025 theo Nghị định 81	KP thực hiện 02/2024/NQ-HĐND		Nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên
A	B	1	2	3	1	2	3	1	2	3	8	9	10	11	12	13	12=8+9+10+11
1	Cự Khê	940	636	304	920	600	320	920	618	302	43	55	42	91	84	56	231
2	Bích Hòa	540	336	204	530	340	190	530	333	197	27	32	26	59	51	34	144
3	Bình Minh I	531	373	158	479	336	143	479	346	133	23	27	21	40	43	28	111
4	Bình Minh II	328	239	89	308	224	84	308	211	97	13	16	14	29	26	17	72
5	Thanh Cao	609			609	425	172	609	406	191	-	-	-	-	-	-	-
6	Cao Viên	620	432	188	610	435	175	610	435	175	27	33	26	53	52	34	139
7	Cao Viên II	540			540	347	193	540	353	187	-	-	-	-	-	-	-
8	Tam Hưng A	422	296	126	401	309	92	401	270	131	19	20	18	39	34	23	96
9	Tam Hưng B	310	237	73	310	238	72	310	244	66	12	15	11	20	23	15	58

Số TT	Mâm non	Số học sinh học kỳ I năm học 2023-2024			Số học sinh học kỳ II năm học 2023-2024			Số học sinh học kỳ I năm học 2024-2025			Kinh phí điều chỉnh dự toán năm 2024 do chênh lệch mức thu học phí						
		Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số	Nhà trẻ, mẫu giáo	Mẫu giáo 5 tuổi	Học kỳ I năm học 2023-2024	Học kỳ II năm học 2023-2024	Học kỳ I năm học 2024-2025	KP thực hiện miễn phí đối với học sinh 5 tuổi từ năm học 2024-2025 theo Nghị định 81		Tổng cộng	
														02/2024/NQ-HĐND	KP thực hiện		
													Nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên	Dành nguồn thực hiện CCTL từ 40% học phí			
10	Thanh Thùy	660	451	209	590	425	165	590	384	206	30	31	28	62	53	36	151
11	Mỹ Hưng	409	285	124	373	266	107	373	260	113	18	21	16	34	33	22	89
12	Thanh Mai	452	295	157	438	275	163	438	296	142	22	27	20	43	41	28	112
13	Kim An	213	161	52	210	147	63	210	150	60	8	12	9	18	17	12	47
14	Kim Thư	375	281	94	352	241	111	352	272	80	15	20	14	24	29	20	73
15	Phương Trung I	523	357	166	531	378	153	531	379	152	24	29	22	46	45	30	121
16	Phương Trung II	439	293	146	420	307	113	420	315	105	21	22	16	32	35	24	91
17	Cao Dương	342	249	93	347	253	94	347	238	109	14	19	16	33	29	20	82
18	Cao Dương II	360	277	83	355	254	101	355	257	98	14	19	15	29	29	19	77
19	Xuân Dương	393	269	124	377	281	96	377	275	102	18	20	15	31	32	21	84
20	Dân Hòa	484	337	147	506	365	141	506	366	140	22	27	21	42	42	28	112
21	Hồng Dương	633			633	421	184	633	423	182	-	-	-	-	-	-	-
22	Đỗ Động	365	279	86	310	222	88	310	227	83	14	17	13	25	26	18	69
23	Tân Ước	308	218	90	265	200	65	265	198	67	13	14	11	20	23	15	58
24	Thanh Văn	397	286	111	380	276	104	380	283	97	17	20	15	29	31	21	81
25	Liên Châu	328	209	119	350	235	115	350	223	127	16	20	17	38	32	21	91
26	Thị trấn Kim Bài	507	349	158	480	347	133	480	331	149	54	240	197	92	295	196	583
	Cộng	12.028	7.145	3.101	11.624	8.147	3.437	11.624	8.093	3.491	484	756	603	929	1.105	738	2.772

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI**



KINH PHÍ HỖ TRỢ KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2024/NQ-HĐND NGÀY 29/3/2024 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số **8056** /QĐ-UBND ngày **19** tháng 11 năm 2024 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Trung học cơ sở	Kinh phí điều chỉnh dự toán năm 2024 do chênh lệch mức thu học phí						Tổng cộng		
		Số học sinh học kỳ I năm học 2023-2024	Số học sinh học kỳ II năm học 2023-2024	Số học sinh học kỳ I năm học 2024-2025	Học kỳ I năm học 2023-2024	Học kỳ I năm học 2024-2025	Trong đó			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9=4+5+6
A	B									
1	Cự Khê	562	695	695	56	87	69	127	85	212
2	Bích Hòa	709	836	836	-	-	-	-	-	-
3	Bình Minh	900	979	979	90	123	98	187	124	311
4	Thanh Cao	647	696	696	65	87	69	133	88	221
5	Cao Viên	1481	1644	1644	148	205	165	311	207	518
6	Tam Hưng	864	947	947	87	119	95	181	120	301
7	Thanh Thùy	639	693	693	64	87	69	132	88	220
8	Mỹ Hưng	477	546	546	48	68	54	102	68	170
9	Thanh Mai	532	612	612	53	76	61	114	76	190
10	Kim An	186	210	210	18	26	21	39	26	65
11	Kim Thư	325	336	336	-	-	-	-	-	-
12	Phương Trung	1125	1216	1216	112	152	121	231	154	385
13	Cao Dương	710	767	767	71	96	77	146	98	244

Số TT	Trung học cơ sở	Số học sinh học kỳ I năm học 2023- 2024	Số học sinh học kỳ II năm học 2023- 2024	Số học sinh học kỳ I năm học 2024- 2025	Kính phí điều chỉnh dự toán năm 2024 do chênh lệch mức thu học phí					Tổng cộng
					Trong đó					
					Học kỳ I năm học 2023- 2024	Học kỳ II năm học 2023- 2024	Học kỳ I năm học 2024- 2025	Nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên	Dành nguồn thực hiện CCTL từ 40% học phí	
14	Xuân Dương	367	422	422	37	53	42	79	53	132
15	Nguyễn Đức Lượng	654	750	750	66	94	75	141	94	235
16	Hồng Dương	832	901	901	83	113	90	172	114	286
17	Đỗ Động	342	361	361	34	46	36	70	46	116
18	Tân Ước	335	386	386	33	48	38	71	48	119
19	Thanh Văn	417	466	466	42	58	46	88	58	146
20	Liên Châu	470	511	511	47	64	51	97	65	162
21	Nguyễn Trục - Thị trấn Kim Bài	826	948	948	-	-	-	-	-	-
	Cộng	13.400	14.922	14.922	1.154	1.602	1.277	2.421	1.612	4.033

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI

KINH PHÍ HỖ TRỢ KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2024/NQ-HĐND NGÀY 29/3/2024 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 8056 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Số học sinh học kỳ I năm học 2023-2024	Số học sinh học kỳ II năm học 2023-2024	Số học sinh học kỳ I năm học 2024-2025	Kinh phí điều chỉnh dự toán năm 2024 do chênh lệch mức thu học phí				Tổng cộng	
					Học kỳ I năm học 2023-2024	Học kỳ II năm học 2023-2024	Học kỳ I năm học 2024-2025	Trong đó		
						Nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên	Dành nguồn thực hiện CCTL từ 40% học phí			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=4+5+6
1	Trung tâm GDNN-GDTX	680	717	717	285	402	226	548	365	913